



**BỘ XÂY DỰNG**  
Ministry of Construction

**VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG**  
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.43.7544196 - Fax: 84.43.8361197  
Website: www.ibst.vn - Email: vkhcnxd@fpt.vn

## **GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY** **CERTIFICATE OF CONFORMITY**



**Số/No: 395-1/2025VKH**

**Chứng nhận sản phẩm/ This is to certify that:**

**Gạch gốm ốp lát ép bán khô có men/ Glazed dry-pressed ceramic tiles**

(Danh mục sản phẩm được chứng nhận theo phụ lục đính kèm/ List of certified products attached at index)

**Nhà máy sản xuất/ Manufacturer: COEM S.P.A.**

**Địa điểm sản xuất/ Manufacturing address: IT - 41042 FIORANO MODENESE (MO) - VIA CAMEAZZO, 25**

**Đơn vị nhập khẩu/Importer: Công ty Cổ phần Quốc tế Gốm Sứ Việt**

**VIET CERAMICS INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY**

**Địa chỉ/ Address**

778k/2 Nguyễn Kiệm, phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

778k/2 Nguyen Kiem Street, Duc Nhuan Ward, Hochiminh City, Vietnam

**Phù hợp với/ Conforms to:**

Mục III.1, bảng 1, QCVN 16:2023/BXD/ Item III.1, table 1, QCVN 16:2023/BXD

**Phương thức chứng nhận/ Certification method: Phương thức 5/ Method 5**

**Hiệu lực/Validity: Giấy chứng nhận có giá trị/ This certificate is valid:**

từ ngày 20 tháng 05 năm 2026 đến ngày 19 tháng 05 năm 2029/ from May 20<sup>th</sup> 2026 to May 19<sup>th</sup> 2029

(Giấy chứng nhận sẽ được duy trì hiệu lực sau các đợt đánh giá giám sát của IBST 12 tháng/lần, tổng cộng là 02 lần trong 03 năm/ This certificate will maintains valid if 12-month surveillance audits are performed by IBST twice in three years)



Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2026  
Hanoi, May 20<sup>th</sup> 2026

**KT.VIỆN TRƯỞNG**  
**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

*On behalf of Director of Institute*  
Vice Director

VIỆN KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG

**Đinh Quốc Dân**

**PHỤ LỤC  
INDEX**

(Ban hành kèm theo giấy CNHQ số 395-1/2025VKH, ban hành ngày 20/05/2026  
(Attached to Certificate No. 395-1/2025VKH, dated 20/05/2026))

| TT<br>No. | Sản phẩm được chứng<br>nhận<br><i>Certified products</i>                                                  | Quy cách/<br><i>Dimension</i> <sup>(1)</sup><br>(mm x mm x mm) | Nhãn hiệu hàng<br>hóa/ <i>Brand</i> <sup>(1)</sup>                                 | Mã HS<br><i>HS code</i> <sup>(1)</sup> |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
| 1.        | Gạch gốm ốp lát ép bán<br>khô có men, nhóm BIa,<br><i>Glazed dry-pressed<br/>ceramic tiles, group BIa</i> | 1208x604x9                                                     |  | 69072193                               |
| 2.        | Gạch gốm ốp lát ép bán<br>khô có men, nhóm BIa,<br><i>Glazed dry-pressed<br/>ceramic tiles, group BIa</i> | 1497x750x9                                                     |                                                                                    | 69072193                               |
| 3.        | Gạch gốm ốp lát ép bán<br>khô có men, nhóm BIa,<br><i>Glazed dry-pressed<br/>ceramic tiles, group BIa</i> | 604x302x9                                                      |                                                                                    | 69072193                               |

Ghi chú/Note: <sup>(1)</sup> Theo thông tin khai báo của khách hàng/ *As declared by client.*

## PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo giấy CNHQ số 395-1/2025VKH, ban hành ngày 20/05/2026

(Attached to Certificate No. 395-1/2025VKH, dated 20/05/2026)

| TT<br>No. | Sản phẩm được chứng nhận<br><i>Certified products</i>                                             | Quy cách/<br><i>Dimension</i> <sup>(1)</sup><br>(mm x mm x mm) | Mã/code <sup>(1)</sup>                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.        | Gạch gồm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a<br><i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group B1a</i> | 1208 x 604 x 9                                                 | <b>Nhóm 1:</b><br><div>OVERVEIN DEC.BIANCO</div> <div>OVERVEIN DEC.ARGIL</div> <b>Nhóm 2:</b><br><div>OVERVEIN BIANCO</div> <div>OVERVEIN ARGILLA</div> <b>Nhóm 3:</b><br><div>LMS622L</div> <div>LMS628L</div>                                                           |
| 2.        | Gạch gồm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a<br><i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group B1a</i> | 1497 x 750 x 9                                                 | <b>Nhóm 3:</b><br><div>TO711LR</div> <div>TO712LR</div>                                                                                                                                                                                                                   |
| 3.        | Gạch gồm ốp lát ép bán khô có men, nhóm B1a<br><i>Glazed dry-pressed ceramic tiles, group B1a</i> | 604 x 302 x 9                                                  | <b>Nhóm 1:</b><br><div>OVERVEIN DEC.BIANCO</div> <div>OVERVEIN DEC.BEIGE</div> <div>OVERVEIN DEC.GRIGIO</div> <div>OVERVEIN DEC.ARGIL</div> <b>Nhóm 2:</b><br><div>OVERVEIN BIANCO</div> <div>OVERVEIN BEIGE</div> <div>OVERVEIN GRIGIO</div> <div>OVERVEIN ARGILLA</div> |

Ghi chú/Note: <sup>(1)</sup> Theo thông tin khai báo của khách hàng/ *As declared by client.*